



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

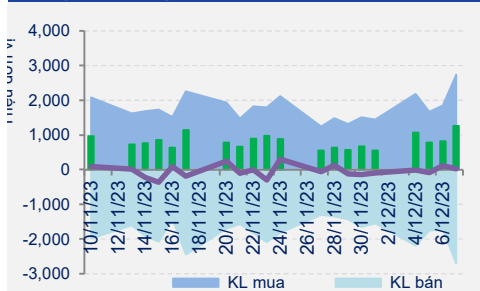
7/12/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

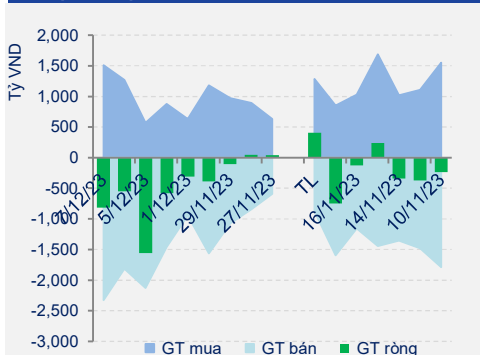
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,121.49	231.84
% Thay đổi	↓ -0.44%	↓ -0.77%
KLGD (CP)	1,257,964,475	187,842,996
GTGD (tỷ đồng)	27,401.24	3,719.32
Tổng cung (CP)	2,707,479,618	256,980,300
Tổng cầu (CP)	2,732,582,422	247,520,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	78,030,023	880,896
KL mua (CP)	48,195,473	1,053,600
GT mua (tỷ đồng)	1,508.97	33.07
GT bán (tỷ đồng)	2,325.10	20.57
GT ròng (tỷ đồng)	(816.13)	12.50

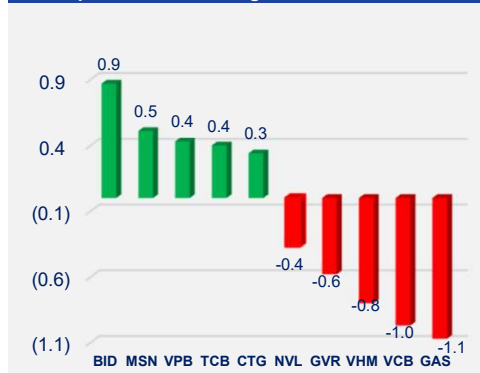
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giao dịch tăng điểm tích cực, VN-INDEX đầu phiên tiếp tục tăng điểm lên vùng 1.130 điểm, quanh vùng giá cao nhất tháng 11/2023 và bất ngờ chịu áp lực bán mạnh đột biến, bắt đầu ở nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính. Áp lực bán gia tăng trong phiên sáng khi VN-INDEX điều chỉnh mạnh về vùng giá 1.110 điểm với thanh khoản đột biến. Thị trường sau đó phục hồi trở lại dưới ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng. Qua đó VN-INDEX hồi phục tốt, kết phiên chỉ giảm 4,94 điểm (-0,44%) về mức 1.121,49 điểm, duy trì trên vùng giá trung bình MA200. VN30 tích cực hơn tăng 2,08 điểm (+0,19%), HNX-INDEX giảm 1,79 điểm (-0,77%) về mức 231,84 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với 379 mã giảm giá (08 mã giảm sàn), 280 mã tăng giá (09 mã tăng trần) và 160 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết gia tăng mạnh đột biến trong phiên hôm nay với 31.112,28 tỉ đồng được giao dịch, tăng mạnh 54,65% so với phiên trước, vượt mức trung bình. Trong đó khối lượng giao dịch của VN-INDEX tăng mạnh 67,15%, VN30 tăng 90,58%, nhưng phần nào thể hiện áp lực bán mạnh đột biến đối với nhóm giá vốn hóa trung bình, trong khi gia tăng tích cực trong nhóm cổ phiếu VN30. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục gia tăng bán ròng mạnh với giá trị 813,75 tỷ đồng trên HOSE, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng, bán lẹ, bắt động sản; mua ròng trở lại trên HNX với giá trị 12,50 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin sáng 7/12/2023, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng chủ trì Hội nghị bàn giải pháp tháo gỡ khó khăn về tăng trưởng tín dụng cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Cuộc họp diễn ra trong bối cảnh tiếp cận tín dụng, hấp thụ vốn nền kinh tế khó khăn, tức ngân hàng có tiền mà không tiêu được. Đến cuối tháng 11/2023, dư nợ tín dụng tăng 9,15%, đạt hơn 13 triệu tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ khoảng 3 điểm phần trăm.

Các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán chịu áp lực bán mạnh từ đầu phiên, là nhân tố ảnh hưởng đến tâm lý thị trường, đa số điều chỉnh mạnh, thanh khoản rất đột biến như SHS (-4,06%), CTS (-3,83%), FTS (-3,72%), BSI (-3,53%), MBS (-3,42%)... ngoại trừ TVS (+0,24%).

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng chịu áp lực bán với thanh khoản khá đột biến sau giai đoạn duy trì tăng giá tốt như PVS (-3,48%), PVC (-3,11%), PVD (-2,92%), OIL (-2,91%)... ngoại trừ ASP (+0,39%) phần nào thể hiện thị trường có xu hướng đầu cơ cổ phiếu thị giá thấp trong các nhóm ngành.

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng với cuộc họp bàn thúc đẩy tín dụng là động lực chính giữ cho thị trường phục hồi tốt, VN30 tăng điểm khi đa số tăng điểm với thanh khoản đột biến trở lại vượt mức trung bình như NVB (+7,41%), STB (+1,60%), LPB (+1,59%), BID (+1,50%), TCB (+1,48%)... ngoài VCB (-0,81%).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 tăng 0,09 điểm (+0,08%), chênh lệch dương 0,65 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh đột biến 97,78% so với phiên trước trong phiên thị trường biến động mạnh, khối lượng mở OI tăng. Cho thấy các vị thế đầu cơ và hedge tăng mạnh. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 trong giai đoạn phục hồi trên vùng hỗ trợ gần nhất 1.100 điểm, kháng cự quanh 1.120 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,35 điểm đến -4,35 điểm, các mức chênh lệch quay trở lại bình thường, cho thấy các trader vẫn đang lạc quan với VN30 và kỳ vọng VN30 sẽ có xu hướng đảo chiều từ tích lũy sang tăng trưởng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay nhưng cho thấy động lực tăng tích cực bởi nỗ lực hồi phục về cuối phiên. Chốt phiên VnIndex giảm -4,94 điểm (-0,44%) và đóng cửa ở 1.121,49 điểm. Trong ngắn hạn thị trường duy trì xu hướng hồi phục nhịp thứ 2 sau đợt giảm mạnh tháng 10 với mục tiêu là ngưỡng cản 1.150 điểm.

Xu hướng trung hạn của thị trường vẫn đang đi tìm vùng cân bằng mới sau đợt giảm sâu và thời gian củng cố lại sẽ kéo dài. Trong trường hợp tích cực VnIndex có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 điểm để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm, trong trường hợp kém khả quan hơn thì khả năng cao vùng tích lũy trung hạn sẽ là 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Nhiệm vụ hồi phục tiếp theo của thị trường đang diễn ra như chúng tôi kỳ vọng và dự báo. Nhà đầu tư ngắn hạn chỉ nên xem xét giải ngân trong các phiên giảm điểm nếu VnIndex duy trì giao dịch trên 1.100 điểm và hạn chế mua đuổi tăng tỷ trọng trong các phiên thị trường tăng mạnh. Nhà đầu tư trung, dài hạn không cần quá lo ngại, tiếp tục nắm giữ danh mục và chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BFC	24.95	21-22	26-27	18	11.1	18.5%	1227.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.15	13-14	17.5-18.5	12	7.8	75.4%	-68.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PET	26.90	24.5-25.5	31-32	23	36.6	-6.6%	-20.7%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	40.75	37-38	44-46	35	8.8	-29.0%	-52.5%	Theo dõi chờ giải ngân
DPM	33.60	31-33	38-39	29	8.4	-17.2%	-93.6%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	32.20	30.5-31.2	34-35	29	17.0	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.5	22.3	28-28.5	25	14.3%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	24.8	18.6	26-27	23.5	33.3%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.3	24.45	30-31	25.5	7.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	48.3	45.1	52-53	47	7.1%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.5	11.4	15-16	11.5	0.9%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Giá xăng dầu đồng loạt giảm theo đà thế giới

Chiều 7/12, liên Bộ Công Thương – Tài chính công bố điều chỉnh giá các mặt hàng xăng dầu. Theo đó, giá xăng E5RON92 giảm 509 đồng/lít; xăng RON95-III giảm 668 đồng/lít. Tương tự, các loại dầu cũng mức giảm từ 194 đồng/lít - 475 đồng/lít so với giá bán lẻ hiện hành...

Thủ tướng họp với các lãnh đạo ngân hàng thương mại về tăng trưởng tín dụng

Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu không hạ chuẩn cho vay, nhưng các ngân hàng cần linh hoạt trong chính sách để "đẩy" vốn với các doanh nghiệp có dự án khả thi. Cuộc họp diễn ra trong bối cảnh tiếp cận tín dụng, hấp thụ vốn nền kinh tế khó khăn, tức ngân hàng có tiền mà không tiêu được. Đến cuối tháng 11, dư nợ tín dụng tăng 9,15%, đạt hơn 13 triệu tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ khoảng 3 điểm phần trăm.

Năm 2024, TP.HCM dự kiến được giao hơn 79.000 tỷ đồng vốn đầu tư công

Năm 2024, dự kiến tổng vốn đầu tư công của TP.HCM là hơn 79.000 tỷ đồng, phần lớn số vốn được dồn để thi công các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm. Với số vốn được Trung ương phân bổ, UBND TP.HCM kiến nghị bố trí cho các dự án giao thông trọng điểm như: Dự án nút giao An Phú 500 tỷ đồng; Dự án thành phần 1 đường Vành đai 3 số vốn 500 tỷ đồng; Dự án xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước lên 1.500 tỷ đồng...



TIN DOANH NGHIỆP

CTF: Sẽ phát hành riêng lẻ tối đa 30 triệu cổ phiếu, nâng vốn lên 1.194 tỷ đồng

HĐQT CTF trình ĐHCĐ bất thường 2 phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tổng khối lượng tối đa 30 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 894 tỷ đồng lên 1.194 tỷ đồng. Mục tiêu là để bổ sung vốn lưu động, cụ thể là dùng để thanh toán cho các hợp đồng mua bán ô tô Ford và Hyundai. Cụ thể, CTF dự kiến phát hành tối đa 15 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho tối đa 10 nhà đầu tư chuyên nghiệp và phát hành tối đa 15 triệu cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi riêng lẻ.

Quý ngoại tiếp tục rót thêm 50 triệu USD vào Masan

Ngày 06/12/2023, CTCP Tập đoàn Masan công bố Bain Capital – Quỹ đầu tư tư nhân hàng đầu thế giới với tổng tài sản quản lý xấp xỉ 180 tỷ USD đã đồng ý gia tăng thêm 50 triệu USD vào khoản đầu tư vốn cổ phần của Masan Group, nâng mức đầu tư lên 250 triệu USD so với mức 200 triệu USD đã công bố vào tháng 1/2023.

Coteccons sắp mua lại 100% vốn một công ty M&E

HĐQT CTCP Xây dựng Coteccons vừa phê duyệt chủ trương mua lại 100% vốn của một công ty hoạt động trong lĩnh vực cơ điện (M&E), tuy nhiên danh tính công ty và giá trị thương vụ chưa được tiết lộ. CTD cho biết, thương vụ mua lại này nhằm mục đích mở rộng hoạt động và tạo ra sự đa dạng hóa và nâng cao thương hiệu của CTD trên thị trường.

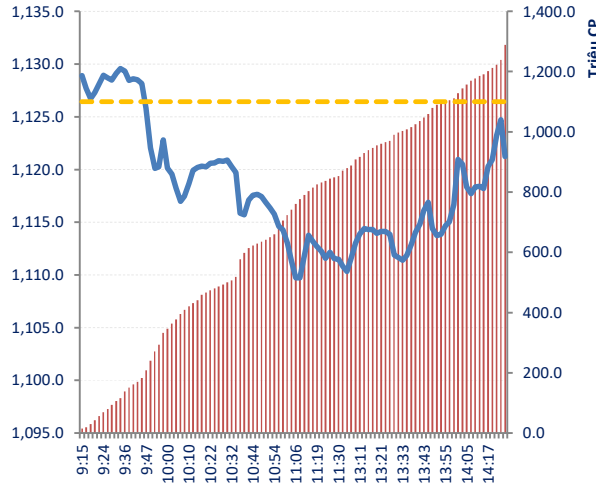
Sao Mai Việt lên kế hoạch tăng vốn gấp 3 lần để làm dự án tại Phú Quốc

Sao Mai Việt định sẽ huy động thêm 400 tỷ đồng từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để phát triển dự án khu dân cư và biệt thự biển Viễn Liên tại Phú Quốc. Trường hợp thành công, vốn điều lệ Công ty được nâng lên thành 556 tỷ đồng, gấp 3 lần trước đó.

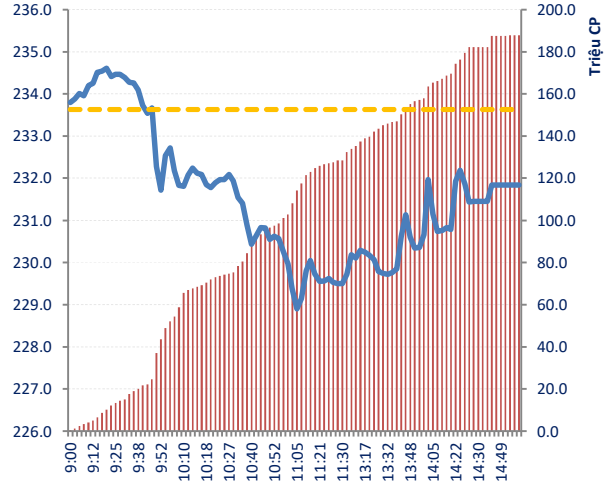


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

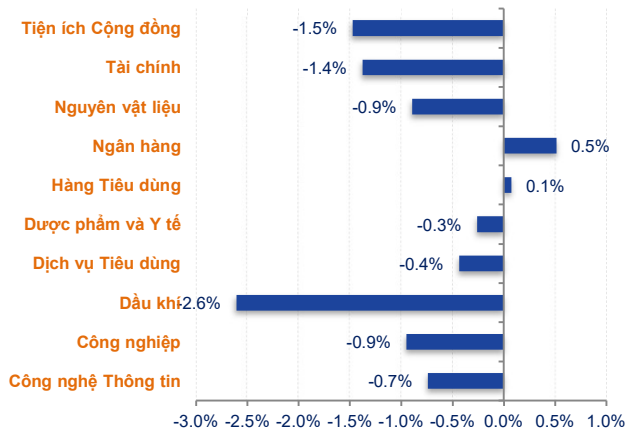
KLGD và VN-Index trong phiên



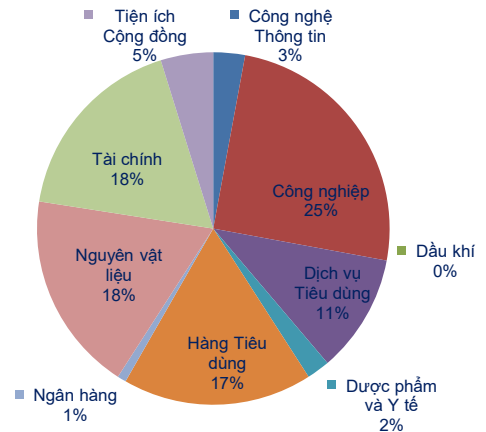
KLGD và HNX-Index trong phiên



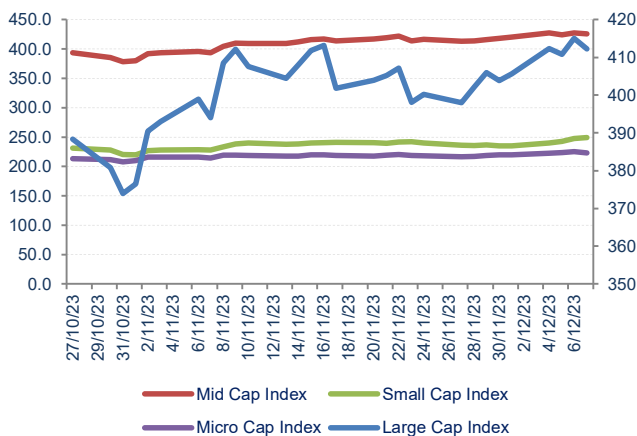
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



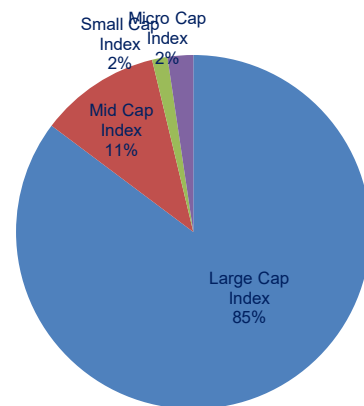
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OCB	2,048,500	VHM	5,302,358	1	PVS	484,260	SHS	738,928
2	SSI	846,008	SHB	3,806,410	2	IDC	83,200	CEO	589,848
3	NVL	668,541	STB	3,306,225	3	EVS	9,100	TNG	108,610
4	VHC	607,100	FUEVFVND	2,509,700	4	PVG	7,000	TIG	16,000
5	KBC	606,270	MSN	1,629,778	5	VIG	5,000	NVB	15,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
TCB	30.20	30.40	↑ 0.66%	36,631,003	CEO	22.80	23.60	↑ 3.51%	20,791,558
HAG	12.20	12.60	↑ 3.28%	34,573,700	SHS	19.40	19.70	↑ 1.55%	17,675,431
VND	22.70	22.75	↑ 0.22%	30,761,300	HUT	20.30	21.30	↑ 4.93%	10,505,666
VIX	17.80	18.05	↑ 1.40%	29,383,800	EVS	9.00	9.10	↑ 1.11%	7,421,674
DXG	20.65	21.30	↑ 3.15%	24,909,300	PVS	40.00	40.20	↑ 0.50%	5,175,221

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BCM	59.20	66.00	6.80	↑ 11.49%	HMH	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
SVT	10.15	11.30	1.15	↑ 11.33%	KTS	40.50	44.50	4.00	↑ 9.88%
ITA	6.61	7.35	0.74	↑ 11.20%	LIG	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
VHC	68.80	75.90	7.10	↑ 10.32%	MAC	11.30	12.40	1.10	↑ 9.73%
BTP	16.35	17.90	1.55	↑ 9.48%	VTH	9.20	10.00	0.80	↑ 8.70%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ELC	25.70	19.55	-6.15	↓ -23.93%	TPP	11.00	9.90	-1.10	↓ -10.00%
CMG	48.40	39.00	-9.40	↓ -19.42%	VE3	15.10	13.60	-1.50	↓ -9.93%
HRC	54.90	49.10	-5.80	↓ -10.56%	SDU	29.20	26.30	-2.90	↓ -9.93%
ST8	19.75	18.30	-1.45	↓ -7.34%	DAE	15.30	13.80	-1.50	↓ -9.80%
L10	23.50	21.90	-1.60	↓ -6.81%	BED	34.90	31.50	-3.40	↓ -9.74%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	36,631,003	14.2%	4,864	6.2	0.8
HAG	34,573,700	18.6%	1,070	11.8	2.2
VND	30,761,300	7.8%	957	23.8	1.8
VIX	29,383,800	8.2%	1,005	18.0	1.4
DXG	24,909,300	-2.0%	(456)	-	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	20,791,558	6.7%	955	24.7	1.9
SHS	17,675,431	5.4%	643	30.6	1.6
HUT	10,505,666	0.8%	122	175.0	1.7
EVS	7,421,674	5.9%	688	13.2	0.8
PVS	5,175,221	6.7%	1,846	21.8	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BCM	↑ 11.5%	2.5%	432	152.9	3.8
SVT	↑ 11.3%	9.3%	1,154	9.8	0.9
ITA	↑ 11.2%	-2.1%	(232)	-	0.7
VHC	↑ 10.3%	12.9%	5,656	13.4	1.7
BTP	↑ 9.5%	3.4%	709	25.2	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HMH	↑ 10.0%	3.7%	575	21.0	0.8
KTS	↑ 9.9%	20.1%	7,537	5.9	1.1
LIG	↑ 9.8%	0.5%	70	64.4	0.3
MAC	↑ 9.7%	23.3%	2,538	4.9	1.0
VTH	↑ 8.7%	5.8%	652	15.3	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	2,048,500	16.9%	2,201	6.4	1.0
SSI	846,008	8.9%	1,346	25.0	2.2
NVL	668,541	-1.4%	(309)	-	0.8
VHC	607,100	12.9%	5,656	13.4	1.7
KBC	606,270	7.6%	1,892	17.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	484,260	6.7%	1,846	21.8	1.4
IDC	83,200	17.0%	3,177	16.1	3.0
EVS	9,100	5.9%	688	13.2	0.8
PVG	7,000	2.1%	289	31.8	0.7
VIG	5,000	6.8%	501	16.2	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	480,103	22.6%	6,013	14.3	3.0
BID	228,018	17.6%	3,450	11.6	1.9
GAS	183,280	19.0%	5,283	15.1	2.9
VHM	176,134	25.0%	9,468	4.3	1.0
VIC	163,236	2.7%	977	43.8	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,214	6.7%	1,846	21.8	1.4
HUT	19,011	0.8%	122	175.0	1.7
IDC	16,863	17.0%	3,177	16.1	3.0
SHS	16,019	5.4%	643	30.6	1.6
THD	13,552	2.9%	460	76.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.05	-0.2%	(32)	-	0.7
VPH	2.87	-2.0%	(218)	-	0.8
EVG	2.75	1.3%	155	37.1	0.5
DXS	2.62	-1.9%	(269)	-	0.5
VIX	2.49	8.2%	1,005	18.0	1.4

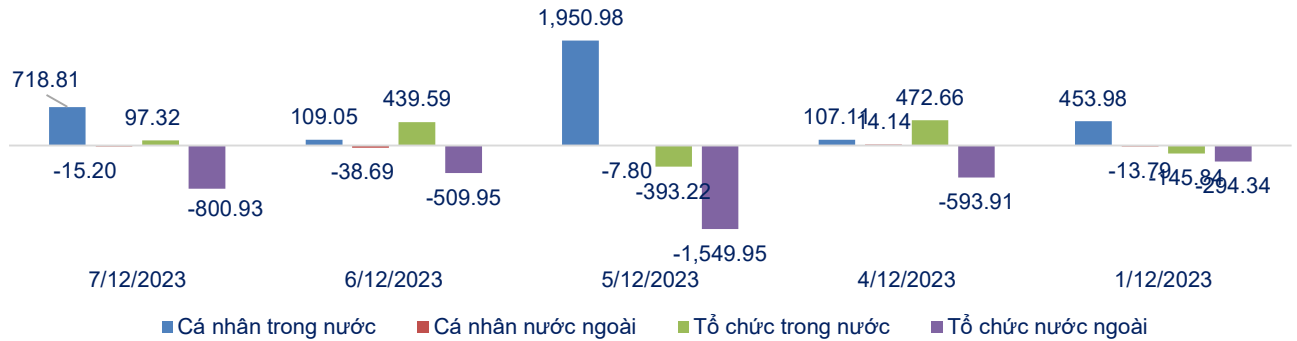
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.49	6.2%	630	23.5	1.4
C69	2.51	2.1%	256	27.7	0.6
VC2	2.42	2.2%	293	37.2	0.8
VIG	2.23	6.8%	501	16.2	1.1
IVS	2.13	3.4%	362	29.6	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	216.75	25.0%	9,468	4.3	1.0
STB	156.69	17.5%	3,825	7.3	1.2
MSN	105.66	2.2%	572	108.5	2.3
VNM	57.83	24.4%	4,029	17.0	4.2
SHB	52.65	15.9%	2,036	5.4	0.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-52.51	29.7%	9,010	10.9	3.0
HDB	-51.70	20.7%	2,926	6.4	1.3
NVL	-49.27	-1.4%	(309)	-	0.8
FPT	-43.51	22.3%	4,815	19.7	4.2
HPG	-41.83	1.9%	322	85.8	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	8.56	8.9%	1,346	25.0	2.2
HHV	3.14	3.9%	1,003	15.8	0.7
VNM	2.44	24.4%	4,029	17.0	4.2
VND	1.00	7.8%	957	23.8	1.8
TTF	0.94	-11.0%	(110)	-	4.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	-5.73	3.6%	814	34.2	1.2
VGC	-5.67	14.6%	3,078	18.4	2.5
STB	-5.30	17.5%	3,825	7.3	1.2
VIX	-2.98	8.2%	1,005	18.0	1.4
HPG	-2.58	1.9%	322	85.8	1.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	83.94	1.9%	322	85.8	1.6
FUEVFVND	61.92	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	52.98	20.7%	2,926	6.4	1.3
BCM	45.94	2.5%	432	152.9	3.8
VPB	45.13	9.7%	1,497	13.0	1.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	-64.60	22.6%	6,013	14.3	3.0
STB	-62.48	17.5%	3,825	7.3	1.2
SSI	-44.27	8.9%	1,346	25.0	2.2
KDC	-39.95	9.2%	2,671	23.1	2.0
TCB	-27.96	14.2%	4,864	6.2	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	46.35	22.6%	6,013	14.3	3.0
VHC	45.53	12.9%	5,656	13.4	1.7
OCB	28.98	16.9%	2,201	6.4	1.0
DGC	26.05	29.7%	9,010	10.9	3.0
SSI	19.07	8.9%	1,346	25.0	2.2

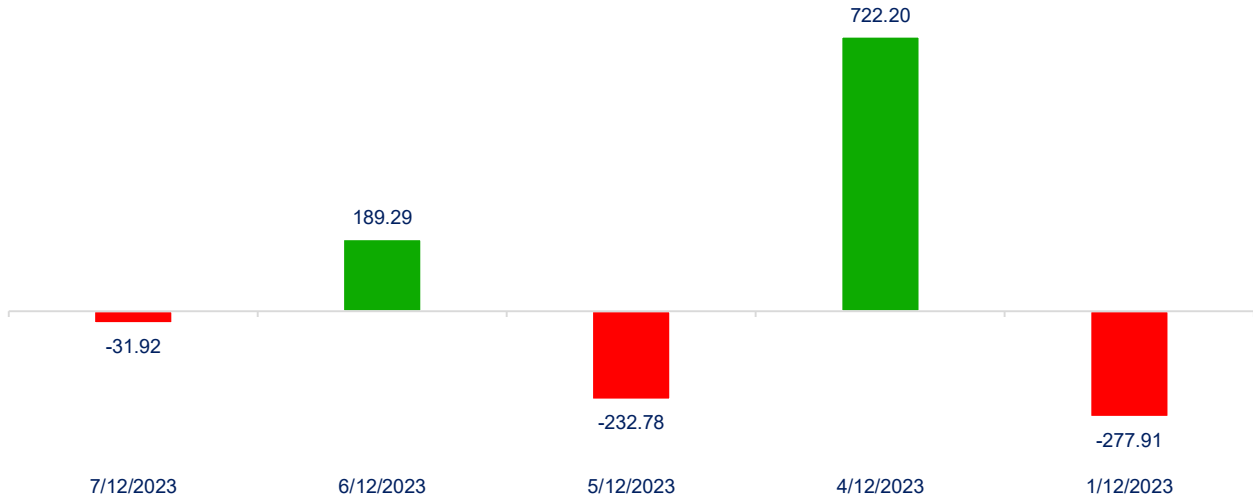
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-211.13	25.0%	9,468	4.3	1.0
MSN	-102.42	2.2%	572	108.5	2.3
STB	-88.90	17.5%	3,825	7.3	1.2
FUEVFVND	-63.41	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	-56.85	24.4%	4,029	17.0	4.2

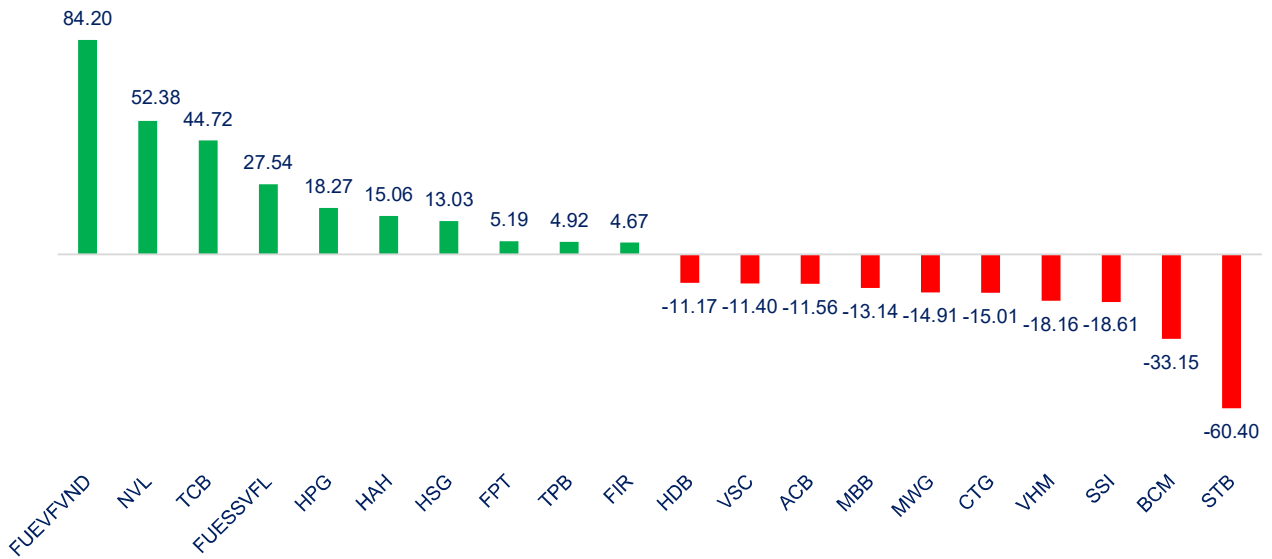


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn